

Kết quả phúc khảo kỳ thi Lần 1 Học kỳ 2 Năm học 2015-2016 (Cơ sở Vũng Tàu)

TT	Mã số sinh viên	Họ và tên:	Lớp (QLSV):	Tên Học phần	Mã HP	A P.khảo	b1	b2	b3	B	c1	c2	C	ĐGHP	Chữ	Số	Ghi chú
29	1521011042	Mai Thế Đồng	K60 A	Giải tích 2	4010103	1.0	8			8	9		9.0	3.9	F	0	
30	1521011024	Nguyễn Lương Thành	K60 A	Giải tích 2	4010103	3.0	7			7	8		8.0	4.7	D	1	
31	1521011088	Phạm Thu Huyền	K60 A	Giải tích 2	4010103	4.5	9			9	9		9.0	6.3	C	2	
32	1521011088	Phạm Thu Huyền	K60 A	Vật lý đại cương A1 + TN	4010201	2.5	6		8.0	7	10		10.0	4.6	D	1	
33	1521011013	Trần Quang Thanh	K60 B	Vật lý đại cương A1 + TN	4010201	1.5	6		4.0	5	8		8.0	3.2	F	0	
34	1421011352	Nguyễn Nhật Tiến	K59 - Lọc Hóa Dầu	Hóa phân tích phần 1 + TN	4010305	3.0	9	5.0	10.0	8	9	5.0	7.0	4.9	D	1	
35	1421011315	Vũ Văn Thành	K59 - Lọc Hóa Dầu	Hóa phân tích phần 1 + TN	4010305	4.0	4	10.0	10.0	8	10	10.0	10.0	5.8	C	2	
36	1421011306	Trần Quang Tấn	K59 - Lọc Hóa Dầu	Hóa phân tích phần 1 + TN	4010305	3.0	7	5.0	10.0	7.3	10	5.0	7.5	4.7	D	1	
37	1421011306	Trần Quang Tấn	K59 - Lọc Hóa Dầu	Hình hoạ và vẽ kỹ thuật + B	4010406	4.0	9	9.0		9	10	10.0	10.0	6.1	C	2	
38	1421011375	Bùi Thị Kiều Trinh	K59 - Lọc Hóa Dầu	Hình hoạ và vẽ kỹ thuật + B	4010406	3.0	8	8.0		8	10	10.0	10.0	5.2	D+	1.5	
39	1421011306	Trần Quang Tấn	K59 - Lọc Hóa Dầu	Sức bền vật liệu B	4030504	5.5	7	7.0	7.0	7	10	10.0	10.0	6.4	C	2	
40	1421011315	Vũ Văn Thành	K59 - Lọc Hóa Dầu	Sức bền vật liệu B	4030504	9.5	8	8.0	8.0	8	10	10.0	10.0	9.1	A	4	
41	1421011356	Nguyễn Sĩ Tình	K59 - Lọc Hóa Dầu	Sức bền vật liệu B	4030504	5.0	8	8.0	8.0	8	10	10.0	10.0	6.4	C	2	
42	1421011352	Nguyễn Nhật Tiến	K59 - Lọc Hóa Dầu	Sức bền vật liệu B	4030504	9.5	10	10.0	10.0	10	10	10.0	10.0	9.7	A	4	
43	1221011045	Đỗ Văn Lợi	K57 - Khoan Khai Thác	Hóa học dầu mỏ	4060338	4.0	7	7.0	7.0	7	10	10.0	10.0	5.5	C	2	
44	1221011083	Nguyễn Hữu Tùng	K57 - Khoan Khai Thác	Công nghệ khai thác dầu kh	4060408	5.0	9	9.0	9.0	9	9	9.0	9.0	6.6	C+	2.5	
45	1221011003	Phạm Thành Đạo	K57 - Thiết Bị Dầu Khí	Thiết bị xử lý sản phẩm kha	4060505	4.5	8	8.0	8.0	8	10	10.0	10.0	6.1	C	2	
46	1421011137	Nguyễn Bá Hoàng	K59 - Tự Động Hóa	Tín hiệu và hệ thống	4090201	3.0	10			10	10		10.0	5.8	C	2	
47	1421011295	Nguyễn Anh Sơn	K59 - Tự Động Hóa	Tín hiệu và hệ thống	4090201	5.0	9			9	10		10.0	6.7	C+	2.5	
48	1421011306	Trần Quang Tấn	K59 - Lọc Hóa Dầu	Xác suất thống kê	4010105	5.0	7	8.0		7.5	9	10.0	9.5	6.2	C	2	
49	1421011356	Nguyễn Sĩ Tình	K59 - Lọc Hóa Dầu	Xác suất thống kê	4010105	7.0	8.5	9.0		8.8	9	10.0	9.5	7.8	B	3	
50	1221011077	Nguyễn Tuấn Thiên	K57 - Khoan Khai Thác	Cơ sở văn hóa Việt Nam	4000004	7.5	9	9.0	9.0	9	9	9.0	9.0	8.1	B+	3.5	
51	1321011008	Nguyễn Thành Châu	K58 - Lọc Hóa Dầu	Các phương pháp phân tích	4060313	6.0	6			6	9		9.0	6.3	C	2	
52	1321011063	Lê Văn Lâm	K58 - Lọc Hóa Dầu	Hóa học các hợp chất Polym	4060316	6.2	7.5	7.5	7.0	7.3	10	10.0	10.0	6.9	C+	2.5	
53	1221011077	Nguyễn Tuấn Thiên	K57 - Khoan Khai Thác	Kỹ thuật bảo hộ lao động và	4060428	9.0	7	7.0	7.0	7	10	10.0	10.0	8.5	A	4	
54	1221011170	Nguyễn Tiến Đạt	K57 - Tự Động Hóa	Cơ sở hệ thống điều khiển q	4090211	1.0		8.0		8	7		7.0	3.7	F	0	
55	1221011170	Nguyễn Tiến Đạt	K57 - Tự Động Hóa	Điều khiển tự động hệ thống	4090222	4.0	7			7	10		10.0	5.5	C	2	
56	1421011352	Nguyễn Nhật Tiến	K59 - Lọc Hóa Dầu	Kỹ thuật điện tử +TN	4090302	7.0	10			10	10		10.0	8.2	B+	3.5	
57	1421011315	Vũ Văn Thành	K59 - Lọc Hóa Dầu	Kỹ thuật điện tử +TN	4090302	6.0	10			10	10		10.0	7.6	B	3	
58	1421011306	Trần Quang Tấn	K59 - Lọc Hóa Dầu	Vật liệu kỹ thuật + TN	4090402	5.0		6.5		6.5		10.0	10.0	6	C	2	
59	1421011352	Nguyễn Nhật Tiến	K59 - Lọc Hóa Dầu	Vật liệu kỹ thuật + TN	4090402	8.5		9.0		9		10.0	10.0	8.8	A	4	

TT	Mã số sinh viên	Họ và tên:	Lớp (QLSV):	Tên Học phần	Mã HP	A P.khảo	b1	b2	b3	B	c1	c2	C	ĐGHP	Chữ	Số	Ghi chú
60	1221011079	Nguyễn Thị Hà Thu	K57 - Thiết Bị Dầu Khí	Tin học ứng dụng trong T&E	4060515	5.5		9.0		9	10		10.0	7	B	3	

Hà Nội, ngày 23 tháng 9 năm 2016
P.Trưởng phòng Khảo thí và ĐBCLGD

(đã ký)

TS. Phạm Văn Tuấn